



BÀI 1

**KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
& CÔNG CỤ DỤNG CỤ
TRONG DOANH NGHIỆP**



MỤC TIÊU

- **Nắm bắt được nguyên vật liệu và CCDC trong doanh nghiệp**
- **Các phương pháp tính giá nhập và xuất của Nguyên vật liệu – CCDC**
- **Quá trình ghi nhận NVL và CCDC trong kế toán**

A. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1. Khái niệm

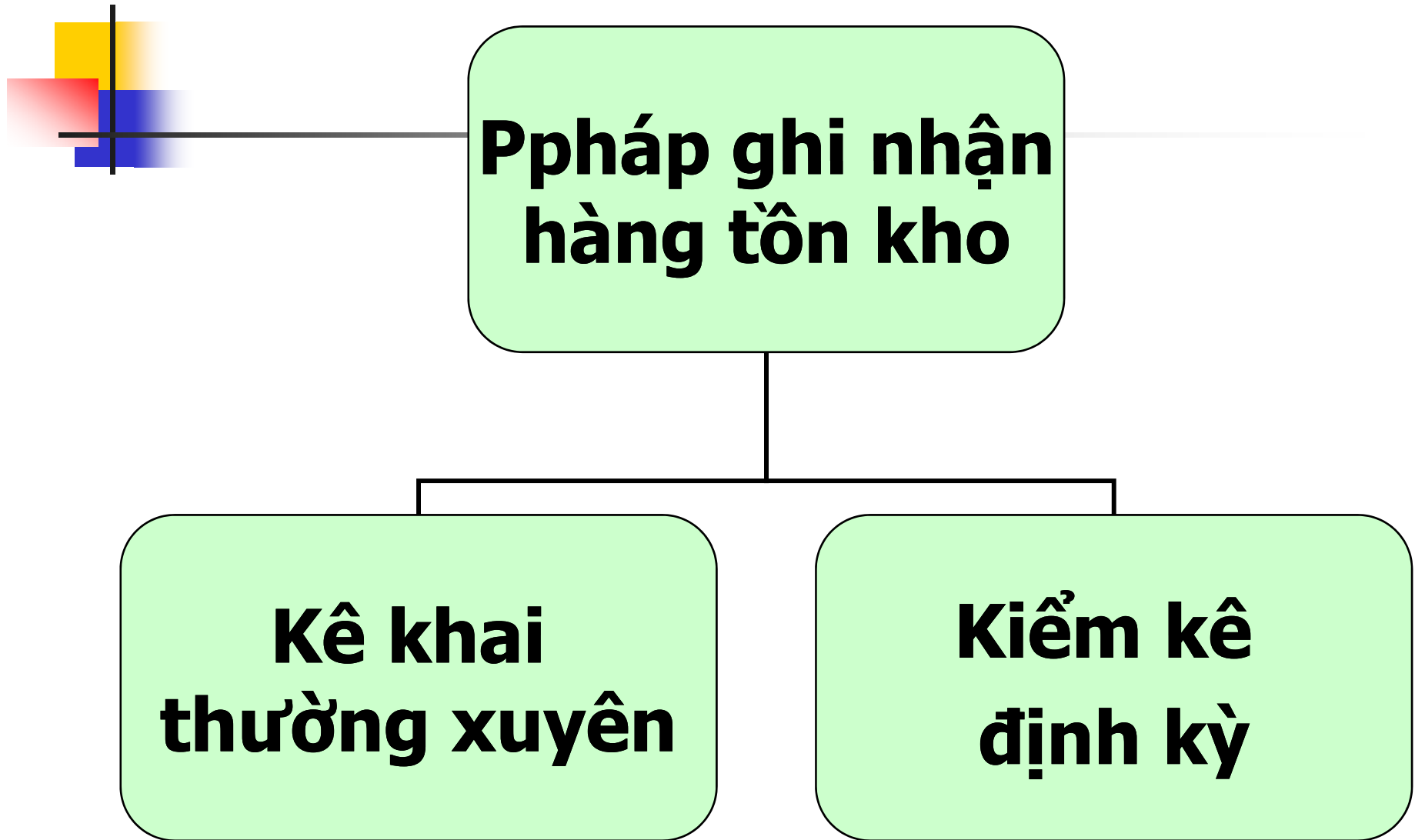
a) *Đặc điểm*

- Tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất
- Thay đổi hình dáng ban đầu
- Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm làm ra

b) Phân loại

- Nguyên vật liệu chính
- Nguyên vật liệu phụ
- Nhiên liệu
- Phụ tùng thay thế
- Vật liệu khác

c) Ppháp ghi nhận hàng tồn kho





(1) **Phương pháp kê khai thường xuyên**

TG VL CUỐI KỲ	=	TGVL ĐẦU KỲ	+	TGVL NHẬP TRONG KỲ	-	TGVL XUẤT TRONG KỲ
--------------------------	----------	------------------------	----------	-------------------------------	----------	-------------------------------

(2) Phương pháp kiểm kê định kỳ

TGVL XUẤT TRONG KỲ	=	TGVL ĐẦU KỲ	+	TGVL NHẬP TRONG KỲ	-	TG VL CUỐI K Ỳ
-------------------------------	----------	------------------------	----------	-------------------------------	----------	-------------------------------

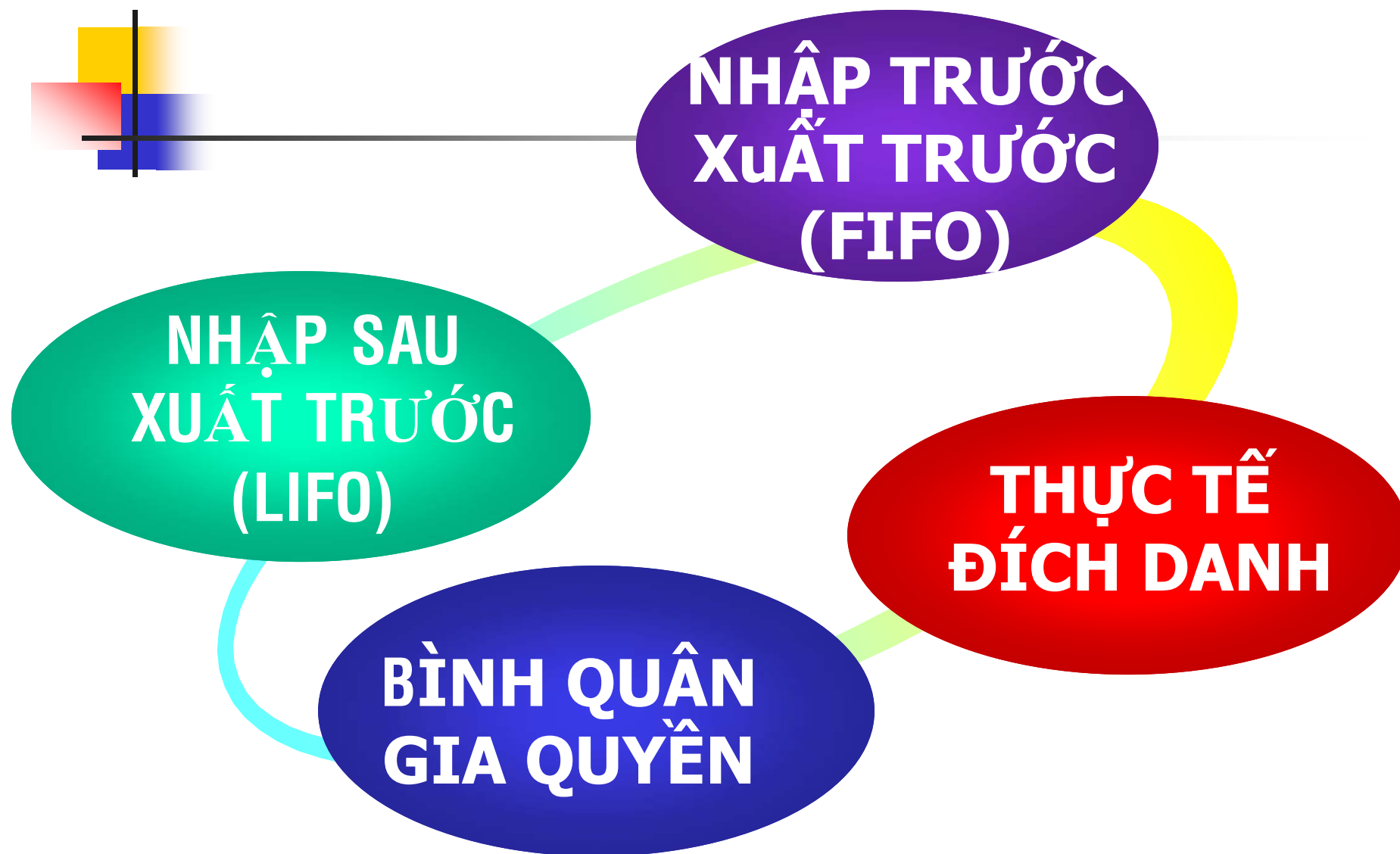
2. Kế toán nhập xuất tồn vật liệu

2.1 Tính giá vật liệu nhập kho

- Mua ngoài:

GIÁ NHẬP KHO	=	Giá mua (chưa VAT)	+	Chi phí mua	-	Chiết khấu, giảm giá
-----------------------------	----------	-----------------------------------	----------	------------------------	----------	-------------------------------------

b) Tính giá vật liệu xuất kho



BÌNH QUÂN GIA QUYỀN



**BÌNH QUÂN
CUỐI KỲ**

**BÌNH QUÂN
LIÊN HOÀN**



VÍ DỤ

Tại một DN có tài liệu sau:

- Vật liệu tồn kho đầu tháng 10/X: 200 kg, đơn giá 3.000đ/kg
- Ngày 6/10 nhập kho 500 kg, ĐG 3.280 đ/kg
- Ngày 15/10 xuất kho 400 kg
- Ngày 20/10 nhập kho 300 kg, ĐG 3.300đ/kg
- Ngày 30/10 xuất kho 400 kg

Yêu cầu: Tính giá trị vật liệu xuất trong tháng^{52 52}

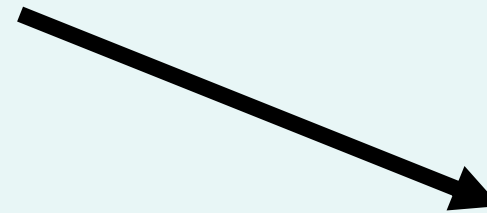
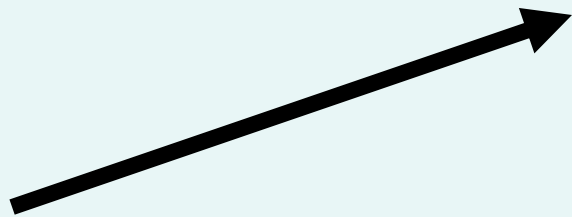
3. Kế toán tình hình nhập xuất VL

3.1 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”**
- **Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”**

TK 152

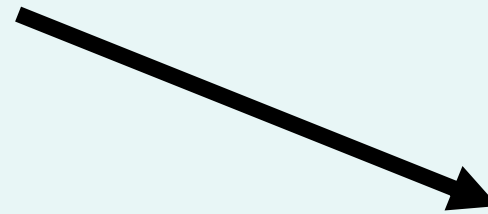
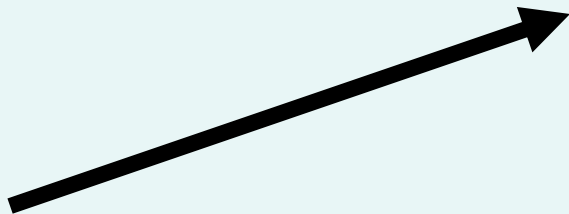
SDĐK: TGVL tồn ĐK



SDCK: TGVL còn Cuối kỳ

TK 151

SDĐK: TGVL đang đi
đường ĐẦU KỲ



SDCK: TGVL đang đi
đường CUỐI KỲ

3.2 Trình tự hạch toán

a) **Kế toán vật liệu nhập kho**

(1) Khi doanh nghiệp mua vật liệu (VL) về nhập kho, kế toán phản ánh như sau:

- **Căn cứ vào giá mua, thuế GTGT và số tiền thanh toán, ghi:**
 - Nợ152 (giá mua)
 - Nợ 133 (thuế VAT)
 - Có 111, 112, 141, 331 (Số tiền thanh toán)

3.2 Trình tự hạch toán

a) **Kế toán vật liệu nhập kho**

(1) Khi doanh nghiệp mua vật liệu (VL) về nhập kho, kế toán phản ánh như sau:

- Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình mua VL như chi phí vận chuyển, bốc dỡ, ... được tính vào giá nhập VL và ghi:

Nợ 152

Có 111, 112, 331

3.2 Trình tự hạch toán

a) **Kế toán vật liệu nhập kho**

(1) Khi doanh nghiệp mua vật liệu (VL) về nhập kho, kế toán phản ánh như sau:

- Nếu mua VL mà được hưởng chiết khấu hoặc giảm giá, phải ghi giảm giá nhập kho:

Nợ 111, 112, 331

Có 152

3.2 Trình tự hạch toán

a) **Kê toán vật liệu nhập kho**

(3) Nếu VL đã mua nhưng cuối tháng chưa về và chưa được nhập kho,

Nợ 151 (giá mua)

Nợ 133 (thuế VAT)

Có 111, 112, 331 (Số tiền thanh toán)

■ Sau đó khi xuất VL về & được nhập kho, ghi:

Nợ 152

Có 151



b) Kế toán VL xuất kho

Khi xuất kho VL để sử dụng cho hoạt động SXKD

Nợ 621 "CPNVL trực tiếp" (dùng để SXSP)

Nợ 627 "CPSX chung" (dùng ở Phân xưởng)

Nợ 641 "Chi phí bán hàng" (dùng cho bán hàng)

Nợ 642 "Chi phí QLDN" (dùng ở bộ phận quản lý, ở văn phòng)

Có 152 (Trị giá VL xuất dùng)

Ví dụ

Tại một doanh nghiệp có các tài liệu như sau:

- VL tồn kho đầu tháng: 200kg, 4.000đ/kg
- Tình hình phát sinh trong tháng:
 - Nhập kho 800kg VL chưa trả tiền người bán: giá mua là 3.500đ/kg, Thuế VAT 10%. Chi phí vận chuyển bốc dỡ số VL này được chi trả bằng tiền mặt là 300.000đ
 - Xuất kho 700kg VL sử dụng cho:
 - **Trực tiếp sản xuất sản phẩm 600kg**
 - **Phục vụ ở phân xưởng 100kg**
- Biết VL xuất kho theo phương pháp ĐGBQ.
- *Yêu cầu:* Tính toán, định khoản

B. Kế toán công cụ dụng cụ

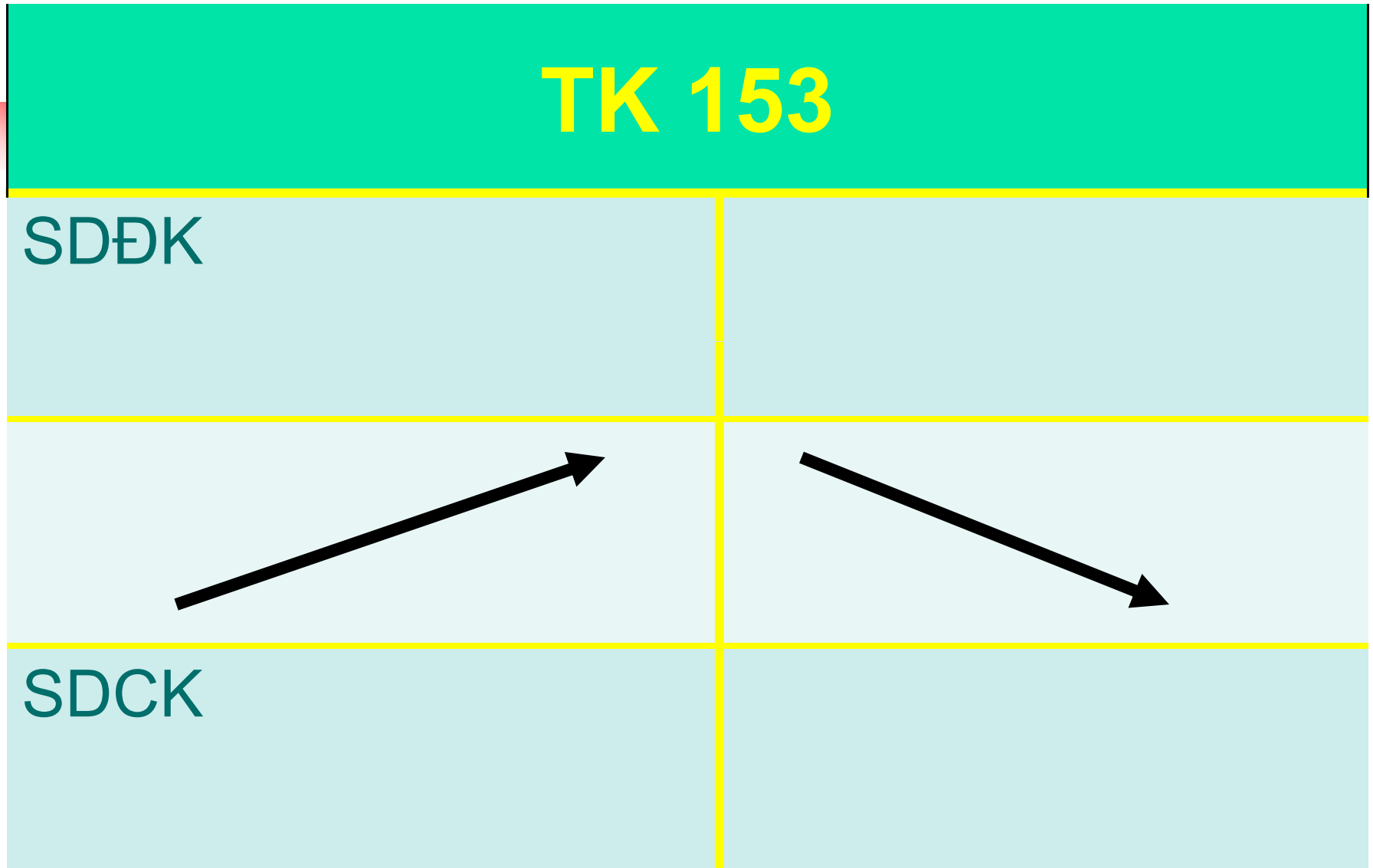
1. Khái niệm

- Công cụ dụng cụ là những tài sản có giá trị nhỏ nhưng sử dụng nhiều lần (không đủ tiêu chuẩn xếp vào TSCĐ theo quy định)
- Thông thường công cụ dụng cụ gồm: công cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê

2. Tài khoản sử dụng

- Tk 153 "công cụ dụng cụ".

- Nguyên tắc ghi chép



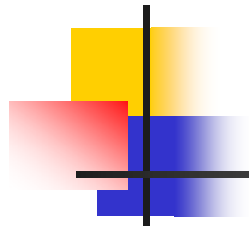


3. Trình tự hạch toán

TRƯỜNG HỢP NHẬP CÔNG CỤ DỤNG CỤ

(1) Khi mua công cụ dụng cụ nhập kho, căn cứ vào giá nhập kho, thuế VAT và số tiền thanh toán để ghi:

- Nợ 153 (giá nhập kho)
- Nợ 133 (thuế VAT)
- Có 111, 112, 141, 331 (Số tiền thanh toán)



3. Trình tự hạch toán

TRƯỜNG HỢP XUẤT CCDC

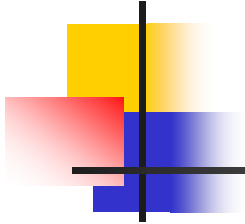
(1) **Khi xuất kho CCDC để sử dụng cho các đối tượng, kế toán phản ánh như sau:**

a) Nếu CCDC có giá trị nhỏ sử dụng trong thời gian ngắn (phân bổ 100%)

- Nợ 627 (dùng cho sản xuất)
- Nợ 641 (dùng cho hoạt động BH)
- Nợ 642 (dùng cho QLDN)
 - Có 153 (trị giá CCDC xuất dùng)

TRƯỜNG HỢP XUẤT CCDC

- b) Nếu CCDC có giá trị lớn và thời gian sử dụng dài thì phân bổ CCDC vào đối tượng sử dụng.
- **Cụ thể, khi xuất kho CCDC:**
 - **Nợ 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn”**
 - **Nợ 242 “Chi phí trả trước ngắn hạn”**
 - **Có 153 “CCDC xuất dùng”**
 - **Hàng tháng sẽ tiến hành phân bổ dần vào chi phí các đối tượng sử dụng**
 - **Nợ 627, 641, 642...**
 - **Có 1421 (mức phân bổ)**



HỎI VÀ TRẢ LỜI